

Số: *TSB*/UBND-VX

Xuân Lộc, ngày *05* tháng 9 năm 2021

V/v đánh giá chỉ số cải cách
hành chính cấp huyện năm 2021

Kính gửi: Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện

Thực hiện Công văn số 3823/SNV-TT ngày 30/8/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp huyện năm 2021 (sao gửi kèm). Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc huyện căn cứ hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 3823/SNV-TT ngày 30/8/2021, triển khai thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp huyện năm 2021 tại đơn vị, hoàn thành kết quả gửi về Phòng Nội vụ để tổng hợp theo quy định.

2. Giao Phòng Nội vụ căn cứ hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 3823/SNV-TT ngày 30/8/2021, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp huyện năm 2021. Đồng thời, tham mưu UBND huyện tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính thông qua phần mềm đánh giá chỉ số cải cách chính **trước ngày 15/11/2021**./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBH (CCHC);
- Các Phó Văn phòng;
- Lưu: VT-TH(K). *na*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



HTML
Huỳnh Thị Lành

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3823 /SNV-TT

Đồng Nai, ngày 30 tháng 8 năm 2021

V/v hướng dẫn tự đánh giá chỉ số
CCHC cấp sở, cấp huyện năm 2021.

Ký bởi: Sở Nội vụ
Email: sonoivu@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Ngày ký: 30-08-2021 17:21:40 +07:00

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành bộ chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện năm 2021;

Thực hiện Kế hoạch số 8906/KH-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2021;

Sở Nội vụ hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện đánh giá chỉ số CCHC năm 2021 như sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần

a) Đối tượng thực hiện:

- Các Sở, ban, ngành (bao gồm: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý khu công nghệ cao công nghệ sinh học).

- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;

- Đối với 04 đơn vị đặc thù: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học có thực hiện đánh giá, công bố kết quả để làm cơ sở đánh giá công vụ; tuy nhiên không thực hiện xếp hạng chung với các đơn vị còn lại.

b) Nguyên tắc tự đánh giá

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được trong năm 2021, các đơn vị, địa phương tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng tiêu chí trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn, yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục (Đối với cấp sở là Phụ lục 2, đối với cấp huyện là Phụ lục 3).

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, địa phương bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm; đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, các đơn vị, địa phương phải có giải thích cụ thể tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm.

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chi số CCHC phải do lãnh đạo đơn vị, địa phương phê duyệt, gồm các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP của Chi số cải cách hành chính;

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ, rõ ràng thông tin kiểm chứng theo yêu cầu. Đối với TC, TCTP có nhiều tài liệu kiểm chứng, đề nghị tóm tắt, trích dẫn các nội dung cần thiết vào Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm;

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có)

+ *Mẫu Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tại Phụ lục 1*

2. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của tỉnh phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục, các đơn vị, địa phương có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các đơn vị, địa phương giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chi số CCHC và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là bản scan (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định (Các đơn vị, địa phương lưu ý đặt tên tài liệu kiểm chứng theo số hiệu văn bản và cơ quan ban hành để thuận tiện cho quá trình thẩm định kết quả tự đánh giá của Hội đồng thẩm định chỉ số CCHC).

3. Về cập nhật kết quả tự đánh giá và thời hạn tự đánh giá

Sau khi hệ thống đánh giá chỉ số CCHC hoàn thiện, Sở Nội vụ sẽ có hướng dẫn cụ thể về sử dụng, cập nhật điểm tự đánh giá, tài liệu kiểm chứng.

Các đơn vị, địa phương về Sở Nội vụ gửi kết quả tự đánh giá Chi số CCHC thông qua phần mềm đánh giá chỉ số CCHC **chậm nhất trước 24 giờ 00 ngày 15/11/2021**.

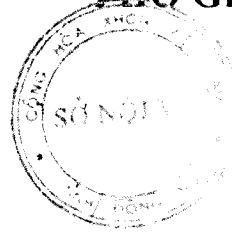
Trường hợp đơn vị, địa phương cần thêm thông tin hướng dẫn, vướng mắc trong quá trình tự đánh giá và cập nhật kết quả trên phần mềm, vui lòng liên hệ

đ/c Hoàng Thị Huyền Trang - Chuyên viên Thanh tra Sở, SĐT: 0785.999.884 đề
được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phòng Nội vụ cấp huyện;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Phước

Phụ lục 1

Mẫu báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính
(Kèm theo văn bản số /SNV-TT ngày / /2021)

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về kết quả tự đánh giá, chấm điểm phần chỉ số cải cách hành chính
của (cơ quan, đơn vị)

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Báo cáo về đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số Cải cách hành chính của (cơ quan, đơn vị):....., cụ thể:

- Báo cáo giải thích cách đánh giá, chấm điểm đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ, rõ ràng thông tin kiểm chứng theo yêu cầu. Đối với TC, TCTP đơn vị cung cấp nhiều tài liệu kiểm chứng, đề nghị tóm tắt, trích dẫn các nội dung cần thiết vào Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm.

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (phụ lục kèm theo);

Nơi nhận:

.....

THỦ TRƯỞNG

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm
(Kèm theo Báo cáo số.....ngày... tháng...năm 2021 của.....)

STT	Nội dung TC/TCTP	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	Chỉ đạo điều hành			
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	2,5		Số hiệu, trích yếu của văn bản
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	2		
	...			
	TỔNG			

* **Lưu ý:** Đơn vị có thể trích xuất bảng tổng hợp kết quả từ phần mềm bằng cách chọn “Xuất file”, đồng thời bổ sung số hiệu và trích yếu của văn bản được sử dụng làm tài liệu kiểm chứng.

Phụ lục 2
Hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP chỉ số CCHC cấp sở
(Kèm theo Công văn số /SNV-TT ngày 17/2021 của Sở Nội vụ)

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC	Về thời gian, nội dung của kế hoạch CCHC như sau: - Thời gian ban hành: Chậm nhất trong tháng 1 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,25; ban hành sau tháng 1 năm kế hoạch hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0. Thời gian tính điểm theo thời gian Sở Nội vụ nhận văn bản điện tử, email hoặc thời gian cập nhật lên Website cải cách hành chính của tỉnh. - Nội dung kế hoạch: + Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, đúng định hướng CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC của UBND tỉnh; các kết quả trong kế hoạch phải được xác định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm: 0,25; + Nếu không đạt 01 trong 02 yêu cầu nêu trên thì điểm bằng 0.	Kế hoạch CCHC năm
2.	TCTP 1.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 85% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Số nhiệm vụ đã hoàn thành} \times 2 \text{ điểm}}{\text{Số nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch}} \right]$ Ví dụ: Kế hoạch đề ra 40 nhiệm vụ; Số nhiệm vụ hoàn thành là 38 thì số điểm đạt được của đơn vị là: $(38/40) \times 2 = 1,9$ điểm - Dưới 85% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm; - Báo cáo giải trình cách tính điểm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
3.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	- Nội dung báo cáo: phải đầy đủ các nội dung theo kế hoạch CCHC của đơn vị và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại văn bản số 1890/SNV-TT ngày 11/5/2021 của Sở Nội vụ: 0,5 điểm - Thời gian: Báo cáo quý I gửi trước ngày 17 tháng 3; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 17 tháng 6; báo cáo 9 tháng gửi trước ngày 17 tháng 9; báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 11 hàng năm. Đơn vị gửi báo cáo đúng thời gian quy định được thêm 0,25 điểm. - Số lượng báo cáo: Đơn vị gửi đầy đủ các báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm được 0,25 điểm. * Lưu ý: + Thời gian tính theo thời gian Sở Nội vụ nhận văn bản điện tử, email hoặc thời gian cập nhật lên Website cải cách hành chính của tỉnh; + Nội dung: báo cáo cần có đầy đủ phụ lục số liệu kèm theo.	Các báo cáo kết quả CCHC (báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm) của đơn vị.
4.	TCTP 1.3.1 - Mức độ thực hiện kế hoạch	Xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với số đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %, từ đó đối chiếu với thang điểm để chấm điểm:	- Biên bản kiểm tra; - Các thông báo

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	kiểm tra	<p>- Đạt 100% số đơn vị kiểm tra theo kế hoạch thì được 1 điểm; - Đạt từ 50% đến dưới 100% số đơn vị được kiểm tra theo kế hoạch thì điểm tính theo công thức: $\frac{\text{Số đơn vị được kiểm tra thực tế} \times 1 \text{ điểm}}{\text{Số đơn vị phải kiểm tra theo kế hoạch}}$ - Đạt dưới 50% số đơn vị được kiểm tra theo kế hoạch thì không đạt điểm. Lưu ý: Do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến việc tổ chức kiểm tra trực tiếp của đơn vị, địa phương; các đơn vị có thể tiến hành kiểm tra trực tuyến thông qua các hệ thống quản lý, điều hành công việc, một cửa điện tử hoặc các hệ thống khác; việc kiểm tra phải có kết luận, kiến nghị với đối tượng được kiểm tra.</p>	kết luận kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra.
5.	TCTP 1.3.2 - Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Qua kiểm tra cải cách hành chính, thống kê trong kết luận, báo cáo của đoàn kiểm tra về số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý: - Từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Số vấn đề đã xử lý} \times 1}{\text{Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra}}$ - Dưới 85% thì điểm đánh giá bằng 0. - Trường hợp qua kiểm tra không phát hiện vấn đề cần xử lý thì đạt 1 điểm - Trường hợp đơn vị báo không có vấn đề cần xử lý nhưng qua theo dõi kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh, có phát sinh vấn đề cần xử lý thì đơn vị không đạt điểm. Lưu ý: Trường hợp đơn vị không phát hiện vấn đề qua tự kiểm tra nhưng qua kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC công vụ của tỉnh hoặc kết quả theo dõi thường xuyên của các Sở chủ trì phụ trách các lĩnh vực ghi nhận vấn đề tồn tại, hạn chế thì đơn vị không đạt điểm TCTP này</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.
6.	TCTP 1.3.3	<p>Qua kiểm tra cải cách hành chính, thống kê trong kết luận, báo cáo của đoàn kiểm tra đối với các vấn đề không thuộc thẩm quyền đơn vị xử lý: - Nếu đơn vị có kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý thì được 1 điểm; - Nếu đơn vị không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý thì không đạt điểm - Nếu đơn vị không phát sinh vấn đề cần kiến nghị xử lý thì được 1 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản thể hiện nội dung đã kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.
7.	TCTP 1.4.1 – Thường	Đơn vị đăng tải, phát hành các bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông, phóng sự... liên quan đến cải cách hành chính trên: Trang	- Danh sách, bản sao điện tử.

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	xuyên cung cấp thông tin về cải cách hành chính	<p>thông tin điện tử của đơn vị, Trang thông tin điện tử về CCHC của tỉnh, báo, đài...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đơn vị đăng tải, phát hành từ 12 bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông liên quan đến cải cách hành chính của đơn vị trong năm thì được 0,75 điểm. - Từ 6-12 bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông thì được 0,25 điểm - Dưới 6 bản tin, bài viết, sản phẩm trong năm thì không đạt điểm 	đường dẫn, hình ảnh các bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông của đơn vị
8.	TCTP 1.4.2 - Mức độ đa dạng trong hình thức tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu tuyên truyền CCHC qua các hình thức truyền thông (hội nghị, tờ xếp, đăng báo giấy, chương trình truyền hình...): 0,25 điểm - Truyền thông qua các phương tiện truyền thông trực tuyến (Trang thông tin điện tử, Báo điện tử, Zalo...) thì đạt 0,5 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Bản sao điện tử, đường dẫn, hình ảnh các bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông của đơn vị - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
9.	TC 1.5 - Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính	<p>Nếu đơn vị có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo đôn đốc cấp dưới thực hiện CCHC kịp thời hàng tháng: 1 điểm - Đôn đốc các đơn vị khác phối hợp giải quyết hồ sơ, thực hiện nhiệm vụ CCHC thì được thêm 1 điểm. <p>Lưu ý: Nội dung chỉ đạo đôn đốc tại các cuộc họp thể hiện trong thông báo kết luận họp giao ban, biên bản họp phải có các nội dung liên quan đến nhiệm vụ CCHC (giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, công tác quản lý sử dụng công chức, viên chức...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận họp giao ban CCHC hàng tháng; - Kết quả theo dõi đánh giá của Sở Nội vụ; - Báo cáo các vướng mắc CCHC định kỳ họp BCĐ CCHC hoặc đột xuất; - Công văn đôn đốc các đơn vị, địa phương phối hợp giải quyết hồ sơ TTHC hoặc thực hiện CCHC - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
10.	TC 1.6 Sáng kiến hoặc giải pháp mới	Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau:	- Các văn bản triển khai các giải pháp mới trong

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	trong CCHC	<ul style="list-style-type: none"> + Đã đăng ký với Sở Nội vụ hoặc được UBND tỉnh cho phép thí điểm; + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi đơn vị, địa bàn tỉnh; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh. Đơn vị có 01 sáng kiến đã triển khai được tính 1 điểm, 2 sáng kiến được 1,5 điểm, 3 sáng kiến trở lên được 2 điểm	thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
11.	TC 2.1 - Tham mưu ban hành văn bản QPPL theo đúng quy trình của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020	Thống kê tổng số văn bản QPPL đã tham mưu ban hành trong năm: - Đạt tỷ lệ từ 90-100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Số văn bản QPPL tham mưu đúng quy định} \times 2}{\text{Số văn bản QPPL đã tham mưu ban hành}}$ - Dưới 90% văn bản: 0; - Trường hợp đơn vị không tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật do không có quy định đơn vị phải tham mưu ban hành thì TC 2.1: 1,5	- Báo cáo kết quả ban hành văn bản QPPL; - Kết quả theo dõi của Sở Tư pháp; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
12.	TCTP 2.2.1 – Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì đạt 0,5 điểm Nếu đạt dưới 100% thì 0 điểm.	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị
13.	TCTP 2.2.2 – Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Căn cứ báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị: - Nếu tỉ lệ vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Số vấn đề đã xử lý} \times 1,00}{\text{Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra}}$ - Nếu dưới 85% vấn đề được xử lý: 0 điểm - Trường hợp không phát sinh vấn đề cần xử lý thì đánh giá 1 điểm.	- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của đơn vị
14.	TCTP 2.3.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ trong kế hoạch. - Nếu tỷ lệ này đạt từ 85% trở lên thì điểm tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Số nhiệm vụ đã hoàn thành} \times 1}{\text{Số nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch}} \right]$ - Nếu tỉ lệ này đạt dưới 85%: 0 điểm.	- Báo cáo kết quả kiểm tra rà soát VB QPPL của đơn vị

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
15.	TCTP 2.3.2 -- Đề xuất xử lý các văn bản không còn phù hợp	<p>Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 85% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\frac{\text{Số văn bản QPPL đã xử lý} \times 1.5 \text{ điểm}}{\text{Số văn bản QPPL không phù hợp}}$ <p>- Dưới 85%: 0 điểm;</p> <p>- Trường hợp các văn bản đều phù hợp, không phát sinh việc xử lý hoặc đề xuất xử lý: 1.5 điểm</p>	- Báo cáo kết quả kiểm tra rà soát VB QPPL của đơn vị
16.	TC 2.4 - Đánh giá văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành	<i>Đơn vị không tự đánh giá tiêu chí này. Điểm số sẽ được tổng hợp và quy đổi từ kết quả khảo sát ý kiến người dân năm 2021 (Nội dung câu hỏi sẽ được thể hiện chi tiết tại bảng hỏi khảo sát thông báo đến các đơn vị).</i>	
17.	TCTP 3.1.1 - Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC	<p>- Thời gian ban hành: Chậm nhất trong tháng 1 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,25; ban hành sau tháng 1 năm kế hoạch hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0. Thời gian tính điểm theo thời gian Văn phòng UBND tỉnh nhận văn bản điện tử, email.</p> <p>- Nội dung kế hoạch:</p> <p>+ Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, đúng định hướng kiểm soát TTHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch của UBND tỉnh. Các kết quả trong kế hoạch phải được xác định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm: 0.25</p> <p>+ Nếu không đạt 01 trong 02 yêu cầu nêu trên thì điểm bằng 0.</p>	Kế hoạch kiểm soát TTHC năm.
18.	TCTP 3.1.2 - Cập nhật, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Bộ thủ tục hành chính 3 cấp	<p>Nêu đơn vị:</p> <p>- Cập nhật trình công bố Bộ TTHC trong thời hạn 01 tháng so với Bộ TTHC của Trung ương: 2</p> <p>- Cập nhật trình công bố Bộ TTHC từ 1 đến 2 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 1</p> <p>- Cập nhật trình công bố Bộ TTHC sau 2 tháng so với Bộ TTHC Trung ương: 0</p> <p>- Trường hợp đơn vị không phải ban hành Bộ TTHC trong năm do không có yêu cầu: 2</p>	- Văn bản trình ban hành Bộ TTHC của đơn vị; - Quyết định ban hành Bộ TTHC của đơn vị.
19.	TCTP 3.1.3	<p>- Nếu đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy trình nội bộ điện tử các thủ tục hành chính trong vòng 05 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định công bố bộ thủ tục hành chính thì đạt 1 điểm; trình ban hành chậm sau 05 ngày thì không đạt điểm</p> <p>- Đối với trường hợp trong quyết định ban hành bộ thủ tục hành</p>	Tờ trình của đơn vị ban hành quy trình nội bộ điện tử thủ tục hành chính

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>chính có giao thời hạn ban hành quy trình nội bộ điện tử cụ thể hơn 05 ngày và đơn vị thực hiện trong thời hạn được giao thì đạt 01 điểm; trình ban hành chậm hơn thời hạn được giao thì không đạt điểm</p> <p>- Trường hợp đơn vị không ban hành do không bắt buộc thì được 1 điểm</p>	
20.	TCTP 3.1.4 – Đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC	<p>- Nếu đơn vị có xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC đạt trên 10% tổng số TTHC thuộc ngành, lĩnh vực quản lý: 4 điểm;</p> <p>- Nếu đơn vị có xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC đạt từ 5% đến dưới 10% tổng số TTHC thuộc ngành, lĩnh vực quản lý: 2 điểm;</p> <p>- Nếu đơn vị có đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC nhưng đạt dưới 5% thì đạt 1 điểm;</p> <p>- Đơn vị không đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC thì không đạt điểm</p> <p>Lưu ý: số phương án đơn giản hoá được tính là các phương án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.</p>	<p>- Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC;</p> <p>- Văn bản kiến nghị đơn giản hóa TTHC lên cấp có thẩm quyền;</p>
21.	TCTP 3.1.5 – Triển khai phương án đơn giản hóa TTHC	<p>- Nếu đơn vị có triển khai, cụ thể hóa các phương án đã đề xuất trong năm: 0,5 điểm;</p> <p>- Nếu đơn vị chưa triển khai, cụ thể hóa các phương án đã đề xuất: 0 điểm</p>	<p>- Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC;</p> <p>- Bộ TTHC</p>
22.	TCTP 3.1.6	<p>- Đơn vị cung cấp từ 50% trở lên các thủ tục hành chính đủ điều kiện dưới dạng DVC mức 3,4 thì đạt 1 điểm</p> <p>- Đạt từ 30-50% thì tính theo công thức:</p> $\frac{\text{Số TTHC đã cung cấp mức 3,4} \times 1 \text{ điểm}}{\text{Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp mức 3,4} \times 50\%}$	<p>- Quyết định ban hành bộ thu tục hành chính của đơn vị;</p> <p>- Văn bản kiến nghị, đề xuất</p>
23.	TCTP 3.1.7 – Xây dựng bộ hồ sơ mẫu	<p>- Nếu 100% các DVC trực tuyến mức 3,4 trên Cổng DVC quốc gia có hồ sơ mẫu thì đạt 0,5 điểm;</p> <p>- Nếu 50% các TTHC khác (không cung cấp DVC trực tuyến) có hồ sơ mẫu thì đạt thêm 0,25 điểm;</p> <p>- Đơn vị có video hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thì đạt thêm 0,25 điểm</p>	<p>- Danh mục TTHC, DVC trực tuyến có hồ sơ mẫu và hồ sơ mẫu kèm theo</p> <p>- Website công khai hồ sơ mẫu đã số hóa</p> <p>- Video hướng dẫn (nếu có)</p>
24.	TCTP 3.2 - Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị	<p>Xác định tỷ lệ % số phản ánh, kiến nghị mà đơn vị tiếp nhận, giải quyết đảm bảo yêu cầu (nội dung, thời hạn) trong tổng số phản ánh, kiến nghị của đơn vị đã tiếp nhận từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/11/2021</p>	<p>- Kiểm tra trên phần mềm 1022;</p>

ST T	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	của tổ chức, cá nhân	+ Nếu đạt từ 85% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Số PAKN giải quyết đạt yêu cầu, đúng hạn} \times 1,5 \text{ điểm}}{\text{Tổng số PAKN tiếp nhận}}$ + Nếu đạt dưới 85%: 0 + Trường hợp đơn vị không có phản ánh, kiến nghị: 1,5	- Báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC năm; - Báo cáo giải trình cách tính điểm của đơn vị; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
25.	TCTP 3.3.1 - Thực hiện cơ chế một cửa	Thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP; xác định tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị theo quy định phải giải quyết theo cơ chế một cửa (trừ thủ tục về thanh tra, đặc thù...); đánh giá tỷ lệ % giữa số TTHC đã được giải quyết theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC theo quy định phải giải quyết theo cơ chế một cửa: + Đạt 100%: 0,5 điểm + Dưới 100% số TTHC: 0	- Báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC năm; - Đối với các trường hợp đặc thù có thống kê cụ thể; - Báo cáo giải trình cách tính điểm.
26.	TCTP 3.3.2 - Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	- Nếu đơn vị tiếp nhận và xử lý đầy đủ các TTHC liên thông được Trung ương, UBND tỉnh yêu cầu hoặc không có TTHC liên thông do không đủ điều kiện thì được tính 1 điểm; - Nếu đơn vị tiếp nhận và xử lý đầy đủ các TTHC liên thông theo quy định và có chủ động đề xuất liên thông thêm các thủ tục hành chính khác thì đạt 1,5 điểm; - Nếu đơn vị không liên thông đầy đủ các TTHC theo quy định của Trung ương và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh thì không đạt điểm	- Quyết định ban hành bộ thủ tục hành chính có TTHC liên thông; - Văn bản kiến nghị liên thông TTHC ngoài yêu cầu quy định
27.	TCTP 3.3.3 - Tiếp nhận, trả hồ sơ TTHC	- Nếu đơn vị thực hiện đúng các quy định về hướng dẫn, tiếp nhận, luân chuyển, trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP thì đạt 0,5 điểm; - Nếu 100% hồ sơ trễ hạn có văn bản xin lỗi hoặc không có hồ sơ trễ hạn thì đạt thêm 0,5 điểm; - Trường hợp qua theo dõi, kiểm tra trên phần mềm, khảo sát ý kiến người dân có phát sinh các trường hợp thực hiện sai quy định thì không đạt điểm nội dung đánh giá đó.	- Báo cáo CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính; - Kết quả theo dõi, kiểm tra CHCC, khảo sát ý kiến người dân
28.	TCTP 3.3.4 - Công tác giải quyết TTHC	Xác định tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của đơn vị trong năm; đánh giá tỷ lệ % giữa hồ sơ được giải quyết đúng hạn (*) so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn từ 95% đến 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:	- Báo cáo CCHC năm; - Kiểm tra trực tiếp qua phần mềm một cửa;